

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2023
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà L, xin vắng mặt.

Địa chỉ: Bon Y, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Ông T, vắng mặt.

Địa chỉ: Bon Y, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn xin ly hôn ngày 19/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bà L trình bày: Bà L và anh T kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhưng bị sai thông tin về họ và quê quán của bà L trên giấy kết hôn nên năm 2017 đi sửa lại thông tin trên giấy kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/7/2017 và được cấp giấy kết hôn số 28

(đúng với họ và tên, quê quán của bà L). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc.

Bà L và ông T có 02 con chung: Cháu N- sinh ngày 22/4/2010 và cháu H- sinh ngày 25/10/2001, hiện nay cháu N đang ở với bà L - địa chỉ thôn Y, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, cháu N tháng 09/2023 cháu vào học lớp 8 trường THCS V xã N, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông; cháu H trên 18 tuổi và lập gia đình đã ở riêng.

Tài sản chung: Có nhà và đất ở, đất rẫy nhưng không yêu cầu giải quyết. Công nợ: Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Krông Nô với số tiền 95 triệu đồng. Ông T và bà L cùng có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Mẫu thuẫn dẫn đến xin ly hôn: Bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là từ kinh tế gia đình, hai vợ chồng nợ nần và làm ăn thua lỗ, không tìm được tiếng nói chung trong cách giải quyết nợ nần, từ đó phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Từ những mâu thuẫn nêu trên mà ông T đã có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập bà L rất nhiều lần, đổ xăng lên người để đốt, dìm người bà L xuống ao, hành hạ về thể xác và tinh thần. Ông T đã được bà L bỏ qua rất nhiều lần vì con cái và gia đình hai bên, bạn bè khuyên bảo rất nhiều lần nhưng vẫn không bỏ được hành vi bạo lực gia đình, không có tiếng nói chung.

Nay bà L xin ly hôn với bà T. Con chung: Bà L xin nuôi cháu N- sinh ngày 22/4/2010. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không yêu cầu giải quyết. Cháu H đã trên 18 tuổi và lập gia đình ở riêng nên không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn ông T: Ông T có địa chỉ và sinh sống tại Bon Y, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành tìm yết văn bản tố tụng trong vụ án đối với ông T nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên toà kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, nguyên đơn ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Bị đơn ông T không chấp hành theo quy định của pháp luật, cố tình vắng mặt không có lý do, ông T tự tước quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án. Chấp nhận đơn và cho bà L được ly hôn với ông T (chấm dứt hôn nhân). Giao cháu N- sinh ngày 22/4/2010 cho bà L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Buộc bà L chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông T. Bị đơn ông T có đăng ký thường trú tại Bon Y, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông T: Ông T có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại Bon Y, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trong vụ án theo quy định pháp luật đối với ông T, nhưng vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của ông T không có lý do nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông T đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, ông T phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] Về hôn nhân: Bà L và ông T xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Bà L và ông T kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhưng bị sai thông tin về họ và quê quán của bà L trên giấy kết hôn nên năm 2017 đi sửa lại thông tin trên giấy kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/7/2017 và được cấp giấy kết hôn số 28. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

[5] Về mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Ông T và bà L phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và sinh hoạt trong gia đình, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung, hai vợ chồng có mâu thuẫn về mặt kinh tế. Dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xung đột trong

gia đình, ông T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng không còn thương yêu, không quý trọng nhau, bỏ mặc nhau.

Qua xác minh, ông T và bà L có mâu thuẫn trong cuộc sống, từ những mâu thuẫn đó nên ông T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đối bà L, ông T thường xuyên đánh đập bà L.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà L và ông T đến mức trầm trọng, sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn và cho bà L được ly hôn với ông T.

[6] Con chung: Bà L xin được quyền nuôi dưỡng cháu N- sinh ngày 22/4/2010, thể hiện trách nhiệm người mẹ với con cái. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt và không đưa ra quan điểm về con cái. Qua làm việc với cháu Thương, thì cháu Thương có nguyện vọng ở với bà L. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Tài sản chung, công nợ, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 94; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L đối với ông T.

2. Về hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông T (chấm dứt hôn nhân).

3. Về con chung: Giao cháu N- sinh ngày 22/4/2010 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, bà L không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại các Điều 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007375, ngày 19/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- UBND xã Ea Uy, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hồng Duy

